

Bản án số: 589/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2023

V/v “tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Quý
2. Ông Nguyễn Văn Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thiên K**, sinh năm 1992

Địa chỉ thường trú: Y 2, thị trấn C, C, K.

Địa chỉ liên hệ: Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (*Bà K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Bị đơn: Ông **Phạm Quang H**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh
(*Ông H vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là bà Trần Thiên K trình bày:

Bà và ông Phạm Quang H kết hôn với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, C, tỉnh K. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà sống ở quận G, sau đó chuyển qua quận T sống từ năm 2019. Thời gian sống chung không lâu thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, từ đó dẫn đến mâu thuẫn với nhau và với gia đình hai bên. Ngoài ra, ông H không

tôn trọng bà, vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông nhau. Từ giữa năm 2019 hai bên đã sống riêng. Khi bà về nhà dọn đồ ra ngoài hẳn, ông H vẫn không can ngăn. Hiện nay bà được biết ông H có chung sống với người khác nên tình cảm của bà với chồng không còn nữa, bà nhận thấy không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân nên đề nghị được ly hôn với ông H để mỗi người tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Bà K khai bà và ông H không có con chung.

Về tài sản chung: Bà K khai bà và ông H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà K khai bà và ông H không có nợ chung.

Bị đơn, ông Phạm Quang H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đề cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Trần Thiên K.

Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 14/6/2023, bà Trần Thiên K trình bày, bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn, ông Phạm Quang H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thủ tục thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ bản trích lục kết hôn số 645/TLKH-BS ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh K thì giữa bà Trần Thiên K và ông Phạm Quang H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống theo bà K trình bày có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, đã sống ly thân từ năm 2019, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ. Ông Phạm Quang H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, chứng tỏ không muốn hàn gắn tình cảm với bà K. Xét thấy giữa bà K và ông H không còn sự yêu thương và mong muốn hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà K là có cơ sở.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thiên K, bà Trần Thiên K được ly hôn với ông Phạm Quang H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn – bà Trần Thiên K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là ông Phạm Quang H. Ông H hiện cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thiên K có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông Phạm Quang H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thiên K:

Căn cứ vào trình bày của bà Trần Thiên K tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và căn cứ vào bản trích lục kết hôn số 645/TLKH-BS ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa thì bà Trần Thiên K và ông Phạm Quang H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 11/6/2018 do UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh K cấp. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà Trần Thiên K và ông Phạm Quang H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà K và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2019 do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông và tôn trọng nhau. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ và trình bày của bà K thì giữa vợ chồng không có sự gắn kết, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn tôn trọng và yêu thương nhau, đã sống ly thân từ năm 2019, không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà K, triệu tập để Tòa án hòa giải, tuy nhiên ông H đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà K, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà K và ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà K khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà K khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà K khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thiên K là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, bà Trần Thiên K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được cản trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0008823 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – bà Trần Thiên K:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thiên K được ly hôn với ông Phạm Quang H.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Bà Trần Thiên K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được cản trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Trần Thiên K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0008823 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Trần Thiên K, ông Phạm Quang H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- UBND TT C, C; K.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

